|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH YÊN BÁI**  \_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| Số: /2018/NQ-HĐND | *Yên Bái, ngày tháng năm 2018* |

**[DỰ THẢO]**

#### NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện**

**một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn**

**tỉnh Yên Bái đến năm 2020**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

#### KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ 10

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2018 về việc ban hành quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Yên Bái đến năm 2020;  báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và tiếp thu ý kiến tham gia của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Yên Bái đến năm 2020, gồm các nội dung chủ yếu sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Các xã thuộc chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

**2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng thụ hưởng là người dân và cộng đồng dân cư trên địa bàn nông thôn.

Đối tượng thực hiện là người dân và cộng đồng dân cư nông thôn; Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; Doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội.

**3. Mục tiêu của chính sách:** Huy động các nguồn lực, tổ chức thực hiện đạt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 26/2010/NQ-HĐND ngày 16/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về xây dựng nông thôn mới tỉnh Yên Bái giai đoạn 2011-2020.

**4. Nội dung của chính sách.**

**4.1 Nguyên tắc hỗ trợ.**

a) Hỗ trợ vốn cho xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế kỹ thuật thực hiện theo kế hoạch hàng năm, các công trình xây dựng phải phù hợp với Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã và thuộc đề án xây dựng nông thôn mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Mức hỗ trợ xác định theo tổng mức đầu tư đã được phê duyệt của từng lĩnh vực đầu tư và điều kiện thực tế ở các địa phương nhưng phải đảm bảo nguyên tắc: vốn ngân sách TW, ngân sách tỉnh hỗ trợ từ 60-90% tùy theo lĩnh vực đầu tư; vốn ngân sách cấp huyện, xã và huy động đóng góp của nhân dân được thực hiện như sau:

c) Nguồn vốn ngân sách huyện, xã là chủ yếu; nguồn vốn huy động đóng góp của nhân dân phải tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của từng vùng, địa phương và khả đóng góp của nhân nhân dân trên tinh thần tự nguyện tham gia, phải được bàn bạc dân chủ, được sự đồng tình của người dân. Tuyệt đối không được giao tỷ lệ bắt buộc nhân dân đóng góp và huy động quá sức dân.

**4.2 Cơ chế hỗ trợ.**

a) Hỗ trợ 100% từ ngân sách Nhà nước cho tất cả các xã để thực hiện: Công tác quy hoạch; tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn (thuộc phạm vi của Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt).

b) Đối với các xã thuộc các huyện nghèo trong Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ: Hỗ trợ tối đa 100% từ ngân sách Nhà nước để thực hiện: Xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng, hệ thống thủy lợi nội đồng, trường học, trạm y tế xã, trung tâm văn hóa, thể thao xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn, bản, cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, các công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư, cải tạo nghĩa trang, cảnh quan môi trường nông thôn, cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn; hoàn thiện, xây mới hệ thống chợ, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định, hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, th7ủy sản, phát triển sản xuất và dịch vụ, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn, hỗ trợ cho xây dựng các trung tâm bán hàng hiện đại ở cấp xã, hỗ trợ phát triển hợp tác xã (theo Quyết định số[2261/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=2261/Q%C4%90-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ).

c) Đối với các xã còn lại mức hỗ trợ cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **S**  **T**  **T** | **Nội dung hỗ trợ** | **Vốn ngân sách TW, tỉnh (%)** | **Vốn NS cấp huyện, xã, huy động khác và đóng góp của nhân dân** | |
| (%) | Trong đó: NS cấp huyện |
| 1 | Đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng. | Thực hiện theo Đề án phát triển giao thông nông thôn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2016-2020 | | |
| 2 | Hệ thống thủy lợi nội đồng. | 70 | 30 | Trên 90% |
| 3 | Trường học | 90 | 10 | Trên 90% |
| 4 | Trạm y tế xã | 70 | 30 | Trên 90% |
| 5 | Trung tâm văn hóa, thể thao xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn, bản | 80 | 20 | Trên 90% |
| 6 | Hoàn thiện, xây mới hệ thống chợ, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, trung tâm bán hàng hiện đại ở cấp xã | 60 | 40 | Trên 90% |
| 7 | Cải tạo nghĩa trang, cảnh quan môi trường nông thôn | 60 | 40 | Trên 90% |
| 8 | Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở | 90 | 10 | Trên 90% |
| 9 | Cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn; | 70 | 30 | Trên 90% |
|
| 10 | Công trình cấp nước sinh hoạt | 90 | 10 | Trên 90% |
| 11 | Công trình thoát nước thải khu dân cư | 60 | 40 | Trên 90% |
| 12 | Phát triển sản xuất và dịch vụ | Thực hiện theo Sổ tay hướng dẫn phát triển sản xuất trong chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 4781/QĐ-BNN-VPĐP ngày 21/11/2017 của Bộ Trưởng Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Quy định hiện hành | | |
| 13 | Hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản | 60 | 40 | Trên 90% |
| 14 | Hỗ trợ phát triển hợp tác xã | Thực hiện theo đề án đã được phê duyệt và Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 | | |

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các Đại biểu của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khoá XVIII - kỳ họp lần thứ 10 thông qua và thay thế Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái; Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày .. tháng .. năm 2018./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **CHỦ TỊCH** |
| - Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;  - Chính phủ;  - Bộ Tài Chính;  - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;  - Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Thường trực Tỉnh uỷ;  - Ủy ban nhân dân tỉnh;  - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh;  - Các đại bìểu HĐND tỉnh;  - TT.HĐND các huyện, thị xã, thành phố;  - UBND các huyện, thị xã, thành phố;  - Lưu: VT..., | **Phạm Thị Thanh Trà** |